TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DSPT
Ngày: 16-3-2018
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hòa**

Các Thẩm phán: Ông **Triệu Quốc Hiếu**

Bà **Huỳnh Thị Kiều Duyên**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Tô Thị Út** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long***: Ông **Huỳnh Văn Cường** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bảo lãnh"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2017/DS-ST, ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim V, sinh 1963.

Địa chỉ: ấp Vàm An, xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn P, sinh 1964.

Bà Lê Thị M, sinh 1961.

Cùng địa chỉ: ấp Vàm Lịch, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Bùi Lê Mỹ C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Vàm Lịch, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

4. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim V trình bày:

Ngày 25/11/2014, bà V có cho ông P và bà M vay số tiền 150.000.000đ. Đến ngày 04/10/2014 âm lịch ông P và bà M có trả cho bà V số tiền 30.000.000đ, ông P

và bà M còn nợ lại bà V số tiền 120.000.000đ. Ngày 27/01/2016 âm lịch, ông P và bà M bảo lãnh trả nợ cho chị C số tiền 240.000.000đ, mỗi tháng trả số tiền 10.000.000đ, thời gian trả là 24 tháng. Cả hai lần vay tiền và bảo lãnh các bên đều có làm biên nhận bằng văn bản.

Bà V cho rằng do ông P và bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ cũng như vi phạm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P và bà M có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn là 360.000.000đ (gồm tiền vay và tiền bảo lãnh) và tiền lãi tính từ ngày 27/01/2016 đến ngày 11/7/2017 (17 tháng), với mức lãi suất 1%/tháng là 61.200.000đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 421.200.000đ. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà V xác định mặc dù tại các biên nhận bà M không có ký tên, chỉ có ông P và chị C ký tên. Nhưng do bà M là vợ của ông P và thực tế khi giao nhận tiền thì bà M là người trực tiếp nhận tiền nên bà yêu cầu bà M có trách nhiệm cùng với ông P trả nợ cho bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 27/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/10/2017 (là 20 tháng), với mức lãi suất 1%/tháng là 72.000.000đ.

- Bị đơn ông Bùi Văn P trình bày:

Ông thừa nhận ngày 25/11/2014 ông có vay của bà V số tiền 150.000.000đ, sau đó có trả được 30.000.000đ, còn nợ lại bà V số tiền 120.000.000đ đúng như bà V trình bày. Nay ông P đồng ý trả cho bà V số tiền vốn là 120.000.000đ và tiền lãi theo yêu cầu của bà Vân theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định.

Riêng đối với số tiền 240.000.000đ mà ông P bảo lãnh trả nợ thay cho chị C thì ông P không đồng ý trả cho bà V. Vì ông P cho rằng khi ông ký tên vào biên nhận ngày 27/01/2016 thì biên nhận không có viết nội dung nên ông không có bảo lãnh trả nợ thay cho chị C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Lê Mỹ C trình bày: chị xác định chữ ký tại biên nhận ngày 27/01/2016 là chữ ký của chị, nhưng khi chị ký tên thì biên nhận chưa có nội dung.

Đối với bị đơn Lê Thị M, Tòa án cấp sơ thẩm có thông cho bà M biết về việc thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của bà V nhưng bà M không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2017/DSST, ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim V. Buộc ông Bùi Văn P và bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim V số tiền 432.000.000đ, trong đó tiền vốn là 360.000.000đ và tiền lãi là 72.000.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 07/11/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít ra Quyết định kháng nghị số 491/QĐKNPT-VKS-DS, nội dung kháng nghị bản án dân

sự sơ thẩm số 48/2017/DSST ngày 20/10/2017 của TAND huyện Mang Thít và đề nghị TAND tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên tham gia xét xử trình bày giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, buộc chị C trả cho chị V số tiền 240.000.000 đồng và tiền lãi 36.000.000 đồng, khi chị C không có khả năng thì ông P có nghĩa vụ trả thay cho chị C. Buộc ông P và bà M trả cho chị V số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi 18.000.000 đồng. Về án phí buộc chị C nộp 13.800.000 đồng, buộc ông P bà M nộp 6.765.000 đồng, buộc bà Vân nộp 900.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà V trình bày: không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, bà yêu cầu ông P bà M có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn 360.000.000 đồng và lãi suất 1% trên số tiền vốn là 72.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên. Bà không yêu cầu bà Mỹ C trả số tiền vay cho bà vì bà chỉ cho ông P bà M vay; việc ông P bà M ghi tên bà Mỹ C vào thì bà không biết và bà không có đưa cho Mỹ C số tiền lớn như vậy vì bà không biết Mỹ C là ai.

Ông P, bà M, Mỹ C vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật: Án sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn Bùi Văn P, Lê Thị M và người liên quan Bùi Lê Mỹ C, tuy nhiên phần quyết định không áp dụng Điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít kháng nghị đề nghị áp dụng Điều 227, Điều 228 bộ Luật dân sự 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét kháng nghị này là chưa chính xác nên không chấp nhận vì đây là thủ tục tố tụng nên phải áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 chứ không phải quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nghĩa vụ trả nợ áp dụng Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Xét biên nhận ngày 27/01/2016 âl, nội dung thể hiện là ông P bà M trả nợ thay cho chị C số tiền 240.000.000 đồng, mỗi tháng ông P bà M trả 10 triệu đồng (trong vòng 24 tháng), biên nhận này do ông P chịu trách nhiệm bảo lãnh trả nợ cho chị C. Biên nhận có chữ ký của chị Mỹ C và ông Bùi Văn P. Theo quy định tại Điều 361 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (bên được bảo lãnh) nếu khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Thực hiện hợp đồng bảo lãnh ngày 27/01/2016 âl thì ông P bà M không làm đúng cam kết là mỗi tháng trả cho bà V 10.000.000đ. Như vậy ông P bà M đã không thực hiện nghĩa vụ theo biên nhận này. Do đó án sơ thẩm buộc ông P bà M có nghĩa vụ trả nợ thay cho chị Mỹ C số tiền 240.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 361 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít kháng nghị đề nghị sửa án sơ thẩm buộc chị C trả số tiền 240.000.000đ khi chị C không có khả năng trả nợ thì ông P phải có nghĩa vụ trả thay là chưa đủ căn cứ chấp nhận. Vì trong quá trình giải quyết

vụ án bà V không có yêu cầu Mỹ C trả nợ do không có cho C vay tiền, ông P, bà M cũng không yêu cầu Mỹ C trả số tiền mà ông P, bà M bảo lãnh nợ. Mỹ C không thừa nhận có vay của bà V khoản tiền nào cả.

[2] Xét theo biên nhận ngày 27/01/2016 (âm lịch) nêu trên thì chỉ có ông P ký tên bảo lãnh nợ cho chị Mỹ C ở phần dưới có ghi vợ chồng anh phải lo trả nợ trên. Bà M là vợ ông P không có ký tên vào biên nhận bảo lãnh, phía nguyên đơn cho rằng bà M biết việc bảo lãnh này vì biên nhận viết tại nhà ông P có mặt bà M ở nhà, trong quá trình giải quyết vụ án ông P, bà M, người có quyền lợ nghĩa vụ liên quan đã được thông báo đầy đủ các bản tố tụng nhưng không ai có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, án sơ thẩm xử buộc bà M cùng ông P có trách nhiệm trả cho bà V số tiền vốn 360.000.000đ, và lãi suất là có căn cứ phù hợp nên không chấp nhận phần kháng nghị nầy của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít sửa án sơ thẩm phần này, đây là việc dân sự các đương sự có quyền tự định đoạt.

[3] Về lãi suất:

Đối với số tiền vay 150.000.000đ (ông P đã trả 30.000.000đ, còn nợ lại bà V 120.000.000đ) theo biên nhận ngày 25/11/2014 thì không thể hiện có thỏa thuận tiền lãi. Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi là 1%/tháng, bị đơn đồng ý trả lãi nhưng yêu cầu mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định. Do đó trong trường hợp này cần tính tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định là 09%/năm (0.75%/tháng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/10/2017 là 20 tháng bằng: 120.000.000đ x 0.75%/tháng x 20 tháng = 18.000.000đ.

Đối với số tiền vay 240.000.000đ theo biên nhận ngày 20/01/2016 thì có nêu việc trả tiền lãi nếu phía bên vay không trả nợ đúng hạn nhưng không nêu cụ thể mức lãi suất bao nhiêu. Do đó nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1%/ tháng là chưa phù hợp, mà cần áp dụng mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định là 09%/năm (0.75%/tháng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20 tháng bằng: 240.000.000đ x 0.75%/tháng x 20 tháng = 36.000.000đ. Tổng cộng hai khoản: vốn bằng 360.000.000đ, lãi suất bằng: 54.000.000đ.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên án phí được tính lại như sau:

Ông P và bà M phải chịu án phí 5% trên tổng số tiền vốn và lãi là: (360.000.000đ + 54.000.000đ) x 5% = 20.700.000đ.

Bà V phải chị án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu tính lãi không được chấp nhận là 1% - 0.75% = 0.25% x 360.000.000đ = 900.000 đồng.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận một phần kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DSST, ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít như sau:

Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ vào các Điều 361, 471, 474, 476 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Kim V.

1. Buộc ông Bùi Văn P và bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim V số tiền vay vốn là 360.000.000đ và tiền lãi là 54.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là: 414.000.000đ (Bốn trăm mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Căn cứ các Điều 24 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1 Buộc ông Bùi Văn P và bà Lê Thị M nộp 20.700.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Buộc bà Nguyễn Kim V phải nộp 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 10.424.000đ (Mười triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà V đã nộp theo lai thu số 0005725 ngày 14/7/2017 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, nên trả cho bà Nguyễn Kim V số tiền tạm ứng còn lại là 9.524.000đ (Chín triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSND tỉnh VL: 02;
- TAND Huyện Mang Thít: 01;
- VKSND Huyện Mang Thít: 01;
- Chi cục THADS Huyện Mang Thít: 01;
- Đương sự: 03;
- Lưu Tòa Dân sự: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 05.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hòa